

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HC-ST

Ngày: 11 - 7 - 2026

*V/v "Khiếu kiện hủy quyết định
giải quyết khiếu nại và yêu cầu hỗ
trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi
đất"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Trung

2. Bà Võ Thị Trà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2
– An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Thái- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 28/2025/TLST- HC ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện hủy quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2026/QĐST-HC ngày 09 tháng 6 năm 2026 và Thông báo dời phiên tòa số 41/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **Lâm Văn X**, sinh năm 1972; CCCD số: 091072021867; địa chỉ: **Khu phố Đ, đặc khu P, tỉnh An Giang** (có mặt).

2. *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ**; địa chỉ: **Số D đường C, khu phố B D, đặc khu P, tỉnh An Giang**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Minh K** – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Nguyễn Lê Quốc T** – Phó Chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2025) (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Trương Quốc T1** – Phó Trưởng **Phòng N1** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2025, quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Lâm Văn X trình bày:**

Ông có một thửa đất diện tích 1.962,7m² được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BO 422394, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại **ấp Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố Đ, đặc khu P, tỉnh An Giang)** đứng tên ông **Lâm Văn X**. Trên đất có các thành quả lao động và trước năm 2010 ông có xây căn nhà trên đất.

Ngày 01/01/2021, **UBND thành phố Đ** (nay là đặc khu **P**) ban hành thông báo thu hồi đất của ông Xa diện tích 1.962,7m² để thực hiện dự án “**Khu nghỉ dưỡng P khu A** và khu 3”.

Ngày 26/12/2023, **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 7255/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 1.962,7m², loại đất trồng cây lâu năm đối với ông.

Ngày 29/12/2023, **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 7822/QĐ-UBND về việc bồi thường đất đai cây trồng với số tiền 1.232.422.600 đồng, ông đã nhận xong.

Ngày 01/02/2024, **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND về việc hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền 855.356.400 đồng, ông đã nhận xong.

Theo 02 quyết định bồi thường và hỗ trợ trên thì **UBND thành phố Đ** không xem xét hỗ trợ cho ông một suất tái định cư trong khi ông đã xây cất căn nhà từ trước năm 2010 đến khi Nhà nước thu hồi thực hiện dự án. Hiện tại ông chưa dời đi do ông không có chỗ ở khác trên địa bàn **xã B**.

Vì vậy, ông làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch **UBND thành phố Đ** (nay là đặc khu **P**), đến ngày 02/4/2025, Chủ tịch **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 958/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại là không chấp nhận yêu cầu hỗ trợ một suất tái định cư cho ông.

Ông khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch **UBND thành phố Đ** (nay là **UBND đặc khu Đ**) về việc giải quyết khiếu nại. Buộc **UBND đặc khu Đ** xem xét, hỗ trợ cho ông một suất tái định cư theo quy định pháp luật.

- **Tại Văn bản số 2285/UBND-NCPC ngày 04/6/2026, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND đặc khu Đ trình bày:**

Ngày 12/9/2014, ông **Lâm Văn X** được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BO 422394 với diện tích 1.962,7m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại **ấp Đ, xã B, thành phố P**. Qua làm việc với ông Xã, ông Xã trình bày không có cất nhà riêng để ở mà ở chung với mẹ là bà **Nguyễn Thị N**, căn nhà là nhà tình thương được cất vào năm 2011, ở ổn định đến khi nhà nước có quy hoạch.

Ngày 18/6/2018, **UBND tỉnh K** ban hành Quyết định số 1379/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng **Khu nghỉ dưỡng P (Khu A và Khu C)**, tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 196,64ha.

Ngày 12/11/2019, **Ban Q** ban hành Quyết định số 225/QĐ-BQLKKTQP về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 **Khu nghỉ dưỡng P (Khu A và Khu C)** tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang, quy mô 1.963.929,8m².

Ngày 01/10/2021, UBND thành phố ban hành Thông báo số 1010/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất đối với ông **Lâm Văn X**.

Ngày 19/4/2022, **Trung tâm K1** phối hợp với Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư, **UBND xã B** và ông Xã tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất của ông Xã (*kèm theo biên bản kiểm kê*).

Ngày 27/10/2023, Hội đồng tư vấn đất đai **xã B** tiến hành xét nguồn gốc đất, xét chính sách bồi thường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, tỷ lệ mất đất, năm xây dựng nhà, tái định cư và các chính sách hỗ trợ khác cho các hộ dân dự án **Khu nghỉ dưỡng P** (tại Biên bản số 321/BB-HĐ). Trong đó, hộ ông Xã có kết quả xét duyệt như sau: “*Không đủ điều kiện xét tái định cư do không có nhà và vật kiến trúc trên đất*”.

Ngày 25/12/2023, **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 7159/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án **Khu nghỉ dưỡng P (Khu A và Khu C)**, tại xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Theo phương án phê duyệt, ông Xã không đủ điều kiện được Nhà nước giao đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

Ngày 26/12/2023, **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 7255/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 1.962,7m², loại đất trồng cây lâu năm đối với ông **Lâm Văn X**.

Ngày 29/12/2023, **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 7822/QĐ-UBND về việc bồi thường vật kiến trúc và chi phí di chuyển cho ông Xã. Theo quyết định, ông Xã được bồi thường với tổng số tiền 1.232.422.600 đồng.

Ngày 01/02/2024, **UBND thành phố Đ** ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND về việc bổ sung hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống đối với ông Xã. Theo quyết định, ông Xã được hỗ trợ bổ sung với

tổng số tiền 855.356.400 đồng. Trong đó: Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền 847.886.400 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 7.470.000 đồng.

Ông Xã đã nhận tiền, không thống nhất với phương án nên làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND thành phố. Ngày 22/5/2024, Chủ tịch UBND thành phố ra Thông báo số 469/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Xã. Ngày 22/5/2024, UBND thành phố (nay là đặc khu) Phú Quốc ban hành Quyết định số 1759/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại đối với ông Xã. Ngày 30/10/2024, Phòng N1 (nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường) có báo cáo số 413/BC-PTNMT kết quả xác minh nội dung khiếu nại đối với ông Xã. Ngày 11/11/2024, Chủ tịch UBND tổ chức họp đối thoại trực tiếp với ông Xã.

Ngày 02/4/2025, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 958/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Xã, địa chỉ: Ấp Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (lần đầu) với nội dung: “Giữ nguyên Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND thành phố Đ về bồi thường vật kiến trúc và chi phí di chuyển đối với ông Lâm Văn X tại dự án Khu nghỉ dưỡng P tại xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Không thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu hỗ trợ 01 nền tái định cư của ông Lâm Văn X”. Quyết định giải quyết khiếu nại đã được triển khai đến ông Xã vào ngày 04/6/2025 nhận quyết định nhưng không ký vào biên bản triển khai (kèm theo biên bản niêm yết).

Việc Chủ tịch Đ (nay là đặc khu) Phú Quốc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 là đúng theo quy định pháp luật như sau:

Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch UBND thành phố ký ban hành là đúng với quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại 2011.

Về trình tự, thủ tục giải quyết: Chủ tịch UBND thành phố Đ thực hiện đúng theo quy định tại Điều 27, Điều 29 và Điều 30 Luật Khiếu nại 2011.

Về hình thức văn bản: Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại bằng hình thức quyết định là đúng với quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại 2011.

Việc UBND thành phố (nay là đặc khu) Phú Quốc không xem xét hỗ trợ 01 nền tái định cư cho ông Xã là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 1 Điều 21 và Điều 24 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh K. Mặc khác, theo hồ sơ và quá trình sử dụng đất của ông Xã thì phần đất thu hồi thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Xã theo giấy chứng nhận QSD đất số BO 422394 được UBND huyện Đ cấp ngày 12/9/2014, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu

năm không phải là đất ở. Mặc khác, tại thời điểm thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, ông Xã không có nhà ở hợp pháp trên đất bị thu hồi trong phạm vi dự án.

Từ những cơ sở trên, UBND đặc khu Đ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Xã. Đồng thời, giữ nguyên Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu).

*** Tại phiên tòa:**

- Người khởi kiện ông Lâm Văn X trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch UBND đặc khu Đ về việc giải quyết khiếu nại và yêu cầu UBND đặc khu Đ xem xét bố trí cho ông 01 suất tái định cư theo quy định pháp luật. Vì diện tích đất 1.962,7m² bị thu hồi là đất do ông nhận chuyển nhượng từ năm 2011 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014. Trên đất gia đình ông xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định từ nhiều năm trước thời điểm Nhà nước thu hồi đất. Lý do căn nhà xây dựng trên đất của ông nhưng do mẹ ông đứng tên là vì năm 2011, mẹ ông là bà Nguyễn Thị N được tặng căn nhà tình thương trị giá 30.000.000 đồng, do ông là con và ở chung, chăm sóc cho mẹ từ đó cho đến nay, và mẹ ông không có đất nên cất trên đất của ông nên khi Nhà nước đo đạc vì nhà tình thương tặng cho mẹ ông nên khi kê khai mẹ ông đứng tên. Tuy nhiên, khi xây dựng số tiền được tặng 30.000.000 đồng không đủ nên ông có bỏ ra thêm xây căn nhà cho khang trang để gia đình ông (gồm vợ và 05 người con) cùng mẹ ông là bà N ở từ đó cho đến nay. Quá trình ở ông cũng có sửa chữa, tu bổ nhiều lần nên giá trị căn nhà khi thu hồi được bồi thường hơn 500.000.000 đồng. Hiện nay gia đình ông không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương. Việc Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất nhưng không xem xét bố trí tái định cư cho gia đình ông làm ảnh hưởng trực tiếp đến nơi ở và đời sống của gia đình.

- Ông Trương Quốc T1 - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đất thu hồi đứng tên ông Xã, nhưng căn nhà trên đất là của bà N mẹ ông Xã kê khai, không phải của ông Xã, ông Xã không có nhà trên đất bị thu hồi nên không đủ điều kiện xét tái định cư theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh K.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch UBND thành phố (nay là đặc khu) Phú Quốc ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức văn bản, nội dung giải quyết đúng với quá trình xác minh trong quá trình giải quyết khiếu nại theo Luật Khiếu nại năm 2011. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lâm Văn X.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tỉnh An Giang phát biểu:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi xem xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 115, 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 74, 75, 79, 83, 86 Luật Đất đai 2013; Điều 6, 22, 27, 30 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 2, Điều 24 Quyết định số 26 ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh K.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lâm Văn X. Tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch UBND đặc khu Đ và buộc Chủ tịch UBND đặc khu Đ xem xét giải quyết bố trí tái định cư theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Người bị kiện có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lâm Văn X khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố (nay là đặc khu) Phú Quốc trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và yêu cầu hỗ trợ một suất tái định cư nên đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính số 958/QĐ-UBND của UBND đặc khu Đ và hành vi hành chính về việc buộc Chủ tịch UBND đặc khu Đ cấp tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính; Điều 18, 27 và 31 Luật Khiếu nại năm 2011, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Quyết định hành chính và hành vi hành chính bị khiếu kiện là của Chủ tịch UBND đặc khu Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 225/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc Hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các Luật Tổ tụng và Luật khác có liên quan.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 02/4/2025, Chủ tịch UBND đặc khu Đ ban hành Quyết định số 958/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại. Ông Lâm Văn X khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án ngày 29/10/2025 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Xã khiếu kiện yêu cầu Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch UBND đặc khu Đ vì cho rằng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Đồng thời, yêu cầu UBND đặc khu Đ hỗ trợ cho ông suất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Xã, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch UBND đặc khu Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Lâm Văn X (lần đầu).

[2.1.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức của Quyết định: Chủ tịch UBND đặc khu Đ ban hành văn bản dưới hình thức Quyết định để giải quyết khiếu nại cho ông Xã là đúng quy định về hình thức theo Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.1.2] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: Khiếu nại của ông Xã là khiếu nại lần đầu đối với Quyết định của UBND thành phố (nay là đặc khu) Phú Quốc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nên Chủ tịch UBND thành phố (nay là đặc khu) Phú Quốc giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND thành phố Đ đã thụ lý, xác minh, đối thoại trước khi ra Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 27, 29 và 30 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.1.3] Thời hiệu, thời hạn ban hành Quyết định: Ngày 22/5/2024, ông Xã khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố thụ lý số 469/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Xã. Ngày 11/11/2024, Chủ tịch UBND thành phố đã tổ chức đối thoại với ông Xã và kết luận không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông Xã. Nhưng đến ngày 02/4/2025, Chủ tịch UBND thành phố Đ mới ban hành Quyết định số 958/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu cho ông Xã là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại theo Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.1.4] Về nội dung của Quyết định và mối liên hệ giữa Quyết định hành chính với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Về nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi: Năm 2011, ông Xã nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Nguyễn Văn H diện tích đất 1.962,7m² tọa lạc tại khu phố Đ, đặc khu P, tỉnh An Giang. Đến ngày 17/9/2014 được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BO 422394, loại đất trồng cây lâu năm đứng tên ông Xã.

Về nguồn gốc căn nhà trên diện tích đất Lâm Văn X: Khoảng năm 2011 – 2012 có chính sách cất nhà đại đoàn kết cho người nghèo thì mẹ ông Xã là bà Nguyễn Thị N được xét hỗ trợ số tiền 30.000.000 đồng để cất nhà. Do bà N không có đất, ông Xã có đất và là người trực tiếp nuôi bà N nên mới cất nhà trên đất của ông Xã, căn nhà cất hơn 30.000.000 đồng vì ông Xã có nhiều con thời điểm đó cùng ở chung nên ông Xã mới bỏ tiền thêm vào xây dựng một căn nhà khang trang để cùng ở chung với bà N.

Đến ngày 26/12/2023, UBND đặc khu Đ ban hành Quyết định số 7255/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất nêu trên của ông Xã để thực hiện dự án “Khu nghỉ dưỡng P khu A và khu 3”. Sau đó, UBND đặc khu Đ ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với ông Xã gồm bồi thường về đất, cây trồng và hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, ông Xã đã nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định và không có khiếu nại gì.

Riêng tiền bồi thường căn nhà thì UBND đặc khu Đ bồi thường cho bà Nguyễn Thị N (người đại diện là ông Lâm Văn X) theo Biên bản chi trả tiền bồi thường hỗ trợ ngày 16/01/2024 (BL 23) và phiếu chi ngày 26/01/2024 (BL 24) với số tiền là 595.779.622 đồng (người đại diện là ông Lâm Văn X) đã ký nhận. Theo Biên bản họp gia đình ngày 11/10/2023 (BL 09), các thành viên trong gia đình con của bà N đều thống nhất để ông Lâm Văn X là người trực tiếp nuôi dưỡng và ở chung với bà N trực tiếp nhận số tiền bồi thường.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/4/2026 (BL 88), đại diện khu phố Đ xác nhận ông Lâm Văn X là người sinh sống ổn định lâu năm tại địa phương; phần đất bị thu hồi là nơi ở chính của gia đình ông. Trên phần đất này ngoài nhà của ông Xã, sau này còn có nhà của các con ông khi lập gia đình được xây dựng ra riêng và sinh sống ổn định từ nhiều năm trước khi Nhà nước thu hồi đất. Đại diện địa phương cũng xác nhận sau khi bị thu hồi toàn bộ diện tích đất thì gia đình ông Xã không còn đất hay nhà ở nào khác tại địa phương.

Tại Công Văn số 350 ngày 06/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 (BL 106) xác nhận: Qua rà soát thì ông Lâm Văn X ngoài diện tích đất bị thu hồi không còn diện tích đất nào khác.

Như vậy có cơ sở xác định ông **Lâm Văn X** là người sử dụng hợp pháp diện tích 1.962,7m² đất trồng cây lâu năm tại **khu phố Đ, B, đặc khu P, tỉnh An Giang** theo Giấy chứng nhận QSD đất số BO 422394 cấp năm 2014. Quá trình sử dụng đất, ông Xã cùng gia đình xây dựng nhà ở, sinh sống ổn định liên tục từ nhiều năm trước thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

Khi Nhà nước thu hồi đất của ông Xã đã lập phương án chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về QSD đất, cây trồng và chuyển đổi nghề đúng quy định của pháp luật. Riêng về phần hỗ trợ một suất tái định cư thì ông **Lâm Văn X** không được xét duyệt, do căn nhà cất trên đất ông Xã là của bà **Nguyễn Thị N** diện chính sách cất nhà đại đoàn kết, do đó UBND đặc khu xác định ông Xã không có nhà trên đất, từ đó ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại bác đơn khiếu nại của ông Xã là không có cơ sở, chưa xem xét đầy đủ điều kiện thực tế về chỗ ở của hộ gia đình ông Xã khi giải quyết khiếu nại là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thu hồi đất. Thực tế qua xác minh thì căn nhà của bà **Nguyễn Thị N** chỉ được hỗ trợ số tiền chính sách là 30.000.000 đồng nên khi xây dựng ông Xã đã có bỏ thêm vào để xây dựng căn nhà khang trang, quá trình sử dụng ông Xã cũng có sửa chữa, tu bổ căn nhà nên giá trị căn nhà khi được bồi thường là 595.779.622 đồng cao hơn gấp nhiều lần số tiền mà bà **N** được hỗ trợ. Đồng thời, gia đình ông Xã (gồm vợ và các con) của ông Xã sinh sống chung trong căn nhà này và là người chăm sóc cho bà **N** từ lúc bà **N** còn sống đến khi bà **N** chết. Khi bà **N** chết thì ông Xã là người thừa kế nhận số tiền bồi thường căn nhà. Hiện tại gia đình ông Xã không còn đất khác, nhà ở khác trên địa bàn **đặc khu P**. Do đó cần xem xét bố trí nền tái định cư cho ông **Lâm Văn X** mới phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của **UBND tỉnh K**, quy định: “*Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được nhà nước giao một nền tái định cư có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở tái định cư*”.

Do đó, cần hủy Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch **UBND đặc khu Đ** và buộc Chủ tịch **UBND đặc khu Đ** bố trí tái định cư đối với ông **Lâm Văn X** theo quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lâm Văn X**. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 958/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của

Chủ tịch UBND đặc khu Đ. Buộc Chủ tịch UBND đặc khu Đ bố trí tái định cư đối với ông Lâm Văn X theo đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn X được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Chủ tịch UBND đặc khu Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 3, 30, 31, 115, 116, 158, 193, 204, 206, 211 và Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019, 2024, 2025; Điều 74, 75, 79, 83 và 86 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6, 22, 27, 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 2, 24 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh K về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn X đối với Chủ tịch UBND đặc khu Đ, tỉnh An Giang.

2. Hủy Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố (nay là đặc khu) P, tỉnh An Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Lâm Văn X.

3. Buộc Chủ tịch UBND đặc khu Đ, tỉnh An Giang bố trí tái định cư đối với ông Lâm Văn X theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho ông Lâm Văn X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004812 ngày 16/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

Chủ tịch UBND đặc khu Đ, tỉnh An Giang phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2- An Giang;
- PTHADS khu vực 2 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Bình